



**BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2014**  
 (Ngạch Chuyên viên - Phòng thi số 11)



STT	Số Báo Danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chuyên môn (chuyên ngành đào tạo)	Dự tuyển vào cơ quan	Mã ngạch	Lĩnh vực đăng ký dự thi	Miễn thi (nếu có)		Ngoại ngữ đăng ký thi	Diện ưu tiên (nếu có)	Điểm thi tuyển							Điểm Tổng cộng	Ghi chú	
										Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm môn Ngoại ngữ	Điểm môn Tin học	Điểm môn nghiệp vụ Chuyên ngành			Điểm môn kiến thức chung (Hệ số 1)			
																	Trắc nghiệm (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 2)				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(17)* 2	(19)	(20) = (13)+(16)+(18)+(19)	(21)	
1	CV087B	Vũ Thị Ngọc	Phương	30/12/1990	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			86,50	92,00	84,00	44,50	89,00	59,00	<b>232,00</b>		
2	CV088B	Trần Thị	Phương	22/09/1989	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			77,50	80,00	84,00	27,00	54,00	51,00	<b>189,00</b>		
3	CV089B	Nguyễn Thị Lan	Phương	08/03/1992	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			82,00	100,00	84,00	27,00	54,00	42,00	<b>180,00</b>		
4	CV090B	Nguyễn Hoàng Báo	Phương	25/07/1989	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
5	CV091B	Hồ Mai	Phương	06/11/1990	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			50,00	72,00	60,00	0,00	0,00	31,00	<b>91,00</b>		
6	CV092B	Bùi Nữ Như	Phương	03/11/1987	Đại học	Kế toán	Chi cục Nuôi trồng TS	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			35,63	60,00	72,00	57,00	114,00	30,00	<b>216,00</b>		
7	CV093B	Nguyễn Thị Kim	Phương	04/12/1981	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			42,25	60,00	84,00	84,50	169,00	36,00	<b>289,00</b>		
8	CV094B	Trần Thị Yến	Quyển	22/01/1992	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			73,00	88,00	84,00	26,00	52,00	25,00	<b>161,00</b>		
9	CV095B	Huỳnh Thị Phương	Quyển	28/09/1992	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			50,63	88,00	92,00	42,00	84,00	53,00	<b>229,00</b>		
10	CV096B	Võ Nguyễn Thảo	Quyển	07/12/1991	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
11	CV097B	Võ Thị Ngọc	Sang	11/06/1992	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			63,88	88,00	60,00	12,00	24,00	28,00	<b>112,00</b>		
12	CV098B	Lê Thị Mỹ	Sang	09/11/1991	Đại học	Kế toán	Sở VH TT & DL	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
13	CV099B	Hồ Thị Thu	Sang	01/01/1992	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			45,50	72,00	64,00	12,50	25,00	21,00	<b>110,00</b>		
14	CV100B	Nguyễn Thị	Tâm	27/01/1990	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			24,00	48,00	68,00	18,50	37,00	37,50	<b>142,50</b>		
15	CV101B	Nguyễn Thị Anh	Thái	08/12/1992	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
16	CV102B	Nguyễn Tấn	Thắng	07/05/1991	Đại học	Kế toán	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn			81,50	88,00	88,00	67,50	135,00	61,50	<b>284,50</b>		

S T T	SỐ BẢO DANH	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chuyên môn (chuyên ngành đào tạo)	Dự tuyển vào cơ quan	Mã ngành	Lĩnh vực đăng ký dự thi	Miễn thi (nếu có)		Ngoại ngữ đăng ký thi	Diện ưu tiên (nếu có)	Điểm thi tuyển							Điểm Tổng cộng	Ghi chú 2
											Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm môn Ngoại ngữ	Điểm môn Tin học	Điểm môn nghề nghiệp vụ Chuyên ngành			Điểm môn kiến thức chung (Hệ số 1)		
																		Trắc nghiệm (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 2)			
17	CV103B	Trần Vũ	Thanh	30/10/1988	Eakar - Đăklăk	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		26,88	76,00	64,00	Vắng	Vắng	Vắng	15,00		
18	CV104B	Tạ Phan	Thanh	05/11/1992	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
19	CV105B	Ngô Đức	Thành	21/09/1987	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		58,88	84,00	100,00	80,00	160,00	77,00	337,00		
20	CV106B	Bùi Nguyễn	Thành	11/06/1991	Cam Ranh - Khánh Hòa	Thạc sỹ	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán	Miễn		Anh văn		Miễn	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
21	CV107B	Nguyễn Thị	Thảo	09/05/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán		Miễn	Anh văn		58,63	Miễn	64,00	20,00	40,00	42,00	146,00		
22	CV108B	Hoàng Thị Thu	Thảo	16/10/1992	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán-Kiểm toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		58,25	88,00	68,00	23,00	46,00	30,00	144,00		
23	CV109B	Đặng Thị Thi	Thơ	15/11/1979	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Bảo vệ TV	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		55,38	76,00	76,00	54,50	109,00	57,50	242,50		
24	CV110B	Nguyễn Thị Kim	Thoa	10/08/1986	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán-Kiểm toán	Chi cục Bảo vệ TV	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		72,50	92,00	88,00	35,00	70,00	51,50	209,50		
25	CV111B	Nguyễn Thị Khánh	Thoa	13/05/1990	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
26	CV112B	Bùi Thị	Thom	10/05/1989	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở VH TT & DL	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		38,13	88,00	68,00	72,00	144,00	66,00	278,00		
27	CV113B	Nguyễn Thủy Liên	Thư	03/10/1989	Khánh Vĩnh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		41,38	72,00	72,00	20,00	40,00	42,00	154,00		
28	CV114B	Phạm Thị Minh	Thương	02/01/1992	Phan Rang - Ninh Thuận	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		41,50	80,00	60,00	3,00	6,00	15,50	81,50		
29	CV115B	Nguyễn Thị Thu	Thương	10/06/1992	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
30	CV116B	Trần Minh	Thúy	01/06/1988	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
31	CV117B	Bùi Thủy	Thúy	10/06/1988	Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	UBND huyện Vạn Ninh	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		50,88	72,00	100,00	69,50	139,00	50,50	289,50		
32	CV118B	Nguyễn Thị	Thúy	05/08/1986	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		4,50	64,00	56,00	6,00	12,00	33,00	101,00		
33	CV119B	Hoàng Thị Thu	Thúy	16/04/1988	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Khoa học kinh tế	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán	Miễn		Anh văn		Miễn	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
34	CV120B	Trần Thủy	Tiến	07/09/1991	Quy Nhơn - Bình Định	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
35	CV121B	Nguyễn Trung	Toàn	04/11/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		65,50	68,00	100,00	25,00	50,00	85,00	235,00		
36	CV122B	Hồ Thị Thanh	Toàn	24/01/1990	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		55,38	84,00	84,00	41,00	82,00	63,50	229,50		



S T T	SỐ BẢO DANH	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chuyên môn (chuyên ngành đào tạo)	Dự tuyển vào cơ quan	Mã ngành	Lĩnh vực đăng ký dự thi	Miễn thi (nếu có)		Ngoại ngữ đăng ký thi	Diện ưu tiên (nếu có)	Điểm thi tuyển						Điểm Tổng cộng	Ghi chú	
											Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm môn Ngoại ngữ	Điểm môn Tin học	Điểm môn nghề nghiệp vụ Chuyên ngành					Điểm môn kiến thức chung (Hệ số 1)
																		Trắc nghiệm (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 2)			
37	CV123B	Võ Thị Quỳnh	Trâm	06/03/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		58,50	72,00	68,00	47,00	94,00	68,00	230,00		
38	CV124B	Trần Mai Hoàng	Trâm	11/09/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Nội vụ	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		73,50	92,00	64,00	53,00	106,00	62,50	232,50		
39	CV125B	Phan Thị Bảo	Trần	19/11/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		16,50	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
40	CV126B	Trịnh Hà	Trang	09/01/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		50,00	84,00	56,00	5,00	10,00	36,50	102,50		
41	CV127B	Phạm Thị Thanh	Trang	13/08/1988	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		66,00	68,00	60,00	5,00	10,00	55,00	125,00		
42	CV128B	Nguyễn Thị Đài	Trang	15/05/1992	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		66,00	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
43	CV129B	Nguyễn Thị	Trang	10/08/1989	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		6,00	84,00	76,00	5,00	10,00	31,00	117,00		
44	CV130B	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	28/11/1988	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		50,25	88,00	72,00	4,00	8,00	50,00	130,00		
45	CV131B	Nguyễn Thị	Trúc	22/08/1992	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		25,50	96,00	72,00	29,00	58,00	40,00	170,00		
46	CV132B	Nguyễn Hoàng	Tuân	14/03/1990	Khánh Vĩnh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		44,00	84,00	68,00	12,00	24,00	40,50	132,50		
47	CV133B	Trương Thị Khánh	Tuyền	01/11/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Thông tin & TT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		61,50	72,00	56,00	44,00	88,00	26,00	170,00		
48	CV134B	Đình Thị Tuyết	Tuyết	18/10/1990	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		80,00	56,00	52,00	33,50	67,00	0,00	119,00		
49	CV135B	Lê Hà	Uyên	30/08/1992	Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
50	CV136B	Phan Thị Thanh	Vy	18/08/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		28,13	72,00	56,00	23,00	46,00	38,50	140,50		